

Số: 3438 /KH-SYT

Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH
Hành động giai đoạn 2021 - 2025
thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 7424/BYT-TCDS ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 10205/KH-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về Kế hoạch hành động giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Đồng Nai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Sở Y tế ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục duy trì mức sinh thấp hợp lý, khuyến khích sinh đủ 2 con tại những khu vực có mức sinh thấp; Cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản; Duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên; Tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng; Thích ứng với già hóa dân số; Phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

a) Mục tiêu 1: Duy trì mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng.

- Duy trì mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số đến năm 2030 đạt khoảng 3,56 triệu người.

- Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị.

- Mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Giảm 2/3 số vị thành niên thanh niên có thai ngoài ý muốn.

b) Mục tiêu 2: Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc thiểu số rất ít người có nguy cơ suy giảm giống nòi.

- Thực hiện tốt chính sách dân số đối với người là dân tộc thiểu số dưới 10 nghìn người.

- Ngăn chặn tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số.

c) Mục tiêu 3: Duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên, phân đầu duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lý.

- Tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 23%; tỷ lệ người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 6%, tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 45%.

d) Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng dân số

- Tỷ lệ cặp nam nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70% năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Không để xảy ra tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- 65% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất vào năm 2025 và 80% vào năm 2030.

- 80% sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Tuổi thọ bình quân đạt 79 tuổi, thời gian sống khỏe mạnh là 70 năm.

- Chiều cao ở người 18 tuổi đối với nam đạt 168,5cm, nữ đạt 157,5cm vào năm 2030.

đ) Mục tiêu 5: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- 80% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu về dân cư vào năm 2025; 100% vào năm 2030.

- Đến năm 2030: 100% ngành, lĩnh vực của địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

e) Mục tiêu 6: Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện hướng đến đạt mục tiêu chương trình về chăm sóc sức khỏe sinh sản, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm...; đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

g) Mục tiêu 7: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Đến năm 2025:

- + 40% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí thân thiện với người cao tuổi.

+ 60% người cao tuổi không có lương hưu và các khoản trợ cấp từ bảo hiểm xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

+ 100% người trên 80 tuổi có thẻ bảo hiểm y tế được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Đảng về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 10/4/2018 của Tỉnh ủy Đồng Nai về thực hiện Nghị Quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch số 10205/KH-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về Kế hoạch hành động giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Đồng Nai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; bảo đảm thống nhất nhận thức, hành động của cả hệ thống y tế, tạo sự đồng thuận và sự ủng hộ của toàn xã hội về chuyển trọng tâm chính sách dân số từ việc giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế, đưa tỉ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số. Đưa công tác dân số thành một nội dung trọng tâm, thực hiện lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển của ngành y tế.

c) Bố trí kinh phí, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự đủ năng lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số của tỉnh.

d) Thực hiện tốt công tác phối hợp liên ngành; phân công nhiệm vụ giữa các cơ quan, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và nhân dân tham gia giám sát công tác dân số. Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, không can thiệp lựa chọn giới tính khi sinh, nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

đ) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số của các đơn vị. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

e) Đề cao tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017, tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ, nội dung công tác dân số trong tình hình mới.

b) Triển khai đầy đủ, toàn diện các nội dung: Duy trì mức sinh thay thế, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số là yêu cầu của công tác truyền thông, vận động về dân số và phát triển trong tình hình mới.

c) Tập trung đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả các hoạt động tuyên truyền giáo dục về dân số và phát triển. Nội dung và phương thức truyền thông, vận động phù hợp với tình hình dân số, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc trưng của từng địa phương.

d) Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, bảo đảm quyền, trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt.

đ) Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, đề cao giá trị của trẻ em gái, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội.

e) Đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi nhận thức, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi, nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Giáo dục nâng cao ý thức, nghiêm cấm lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi.

g) Phát động phong trào luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực.

h) Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

i) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân, gia đình và toàn xã hội trong việc phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi, thực hiện chăm sóc người cao tuổi.

k) Thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình công tác dân số cho lãnh đạo cấp ủy, chính quyền. Vận động, phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng thôn/ấp/tổ dân phố, người uy tín trong cộng đồng, người có ảnh hưởng đến công chúng tham gia tuyên truyền, giáo dục người dân thực hiện chính sách dân số.

l) Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ báo cáo viên dân số, nhất là đội ngũ cộng tác viên dân số ở thôn/ấp/tổ dân phố, đơn vị sản xuất.

m) Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở. Xuất bản định kỳ bản tin dân số và phát triển của ngành y tế. Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội... trong truyền thông giáo dục về dân số.

n) Phối hợp với Sở Giáo dục và đào tạo, từng bước đưa giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản vào từng cấp học, lứa tuổi và bảo đảm yêu cầu hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

3. Hoàn thiện chính sách về dân số

a) Nghiên cứu, xây dựng trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách đầy mạnh thực hiện công tác dân số trong tình hình mới.

b) Thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ KHHGĐ.

c) Xử lý hành vi lạm dụng khoa học - công nghệ trong chẩn đoán giới tính thai nhi, can thiệp lựa chọn giới tính trước khi sinh đối với cá nhân, tổ chức vi phạm.

d) Vận động chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

đ) Vận động đưa vào hương ước, quy ước của thôn/ấp/tổ dân phố chính sách dân số phù hợp với các quy định của pháp luật;

e) Đề xuất ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ cộng tác viên dân số ở thôn/ấp/tổ dân phố.

h) Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

a) Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGĐ theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ KHHGĐ, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ KHHGĐ cơ bản. Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả việc phân phối các dịch vụ tránh thai phi lâm sàng qua mạng lưới nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số.

b) Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ KHHGĐ theo hướng mở rộng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng nhóm đối tượng. Tiếp tục huy động các thành phần kinh tế tham gia tiếp thị xã hội, xã hội hóa cung cấp phương tiện và dịch vụ tránh thai.

c) Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên. Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc cung cấp các dịch vụ phá thai, loại trừ phá thai không an toàn.

d) Từng bước mở rộng chương trình ngăn ngừa, sàng lọc, can thiệp, điều trị sớm các bệnh, tật là nguyên nhân dẫn đến vô sinh ở nhóm dân số trẻ. Hình thành mạng lưới sàng lọc vô sinh nhiều cấp, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ để mở rộng mạng lưới hỗ trợ sinh sản.

đ) Từng bước mở rộng và tiến tới phổ cập việc cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, bao gồm giảm tải hôn và hôn nhân cận huyết

thống. Đặc biệt chú trọng triển khai cung cấp dịch vụ phát hiện sớm nguy cơ, phòng ngừa di truyền các bệnh nguy hiểm ở thai nhi và trẻ em.

e) Nhanh chóng phổ cập chương trình cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, can thiệp, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh cho mọi phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh. củng cố, nâng cấp các cơ sở cung cấp dịch vụ sàng lọc hiện có, phát triển thêm các cơ sở cung cấp dịch vụ theo phân cấp kỹ thuật.

h) Mở rộng việc cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng thông qua mạng lưới tình nguyện viên, cộng tác viên và nhân viên chăm sóc được đào tạo.

i) Củng cố mạng lưới chuyên ngành lão khoa theo nguyên tắc gắn kết dự phòng, nâng cao sức khỏe, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc giảm nhẹ. Giám sát đánh giá kết quả các hoạt động chăm sóc người cao tuổi ở cấp cơ sở.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số

a) Thực hiện nghiên cứu về dân số và phát triển: Chú trọng nghiên cứu cung cấp bằng chứng phục vụ hoạch định chính sách, biện pháp thực hiện các mục tiêu duy trì mức sinh thay thế, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

b) Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

6. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

a) Nguồn lực tập trung vào việc thực hiện các mục tiêu: Duy trì mức sinh thay thế, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số.

b) Huy động các nguồn đầu tư từ cộng đồng, doanh nghiệp, tư nhân cho công tác dân số. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

7. Kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo

a) Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác dân số từ tỉnh đến địa phương, đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới.

b) Phối hợp liên ngành về dân số và phát triển trong tỉnh nhằm chỉ đạo, điều phối các hoạt động của các ngành, cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan đến dân số và phát triển.

c) Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số.

8. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

IV. KINH PHÍ

Từ nguồn ngân sách Trung ương và địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

- Giai đoạn 1: Từ năm 2020 - 2021: Chuẩn bị nguồn lực

+ Xây dựng chương trình, dự án, đề án, kế hoạch thực hiện chiến lược.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, hoạt động của các đề án đã được phê duyệt;

+ Xây dựng các chính sách về công tác dân số và phát triển của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2022 - 2025

Triển khai đồng bộ các giải pháp để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hành động đã đưa ra. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 đề ra mục tiêu thực hiện đến năm 2030.

2. Các chương trình, đề án thực hiện

- Thực hiện các nhiệm vụ, đề án đã phân công tại Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 10/4/2018 của Tỉnh ủy Đồng Nai và Kế hoạch số 7875/KH-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai .

- Xây dựng các kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư cho công tác dân số theo hướng dẫn của cấp trên.

3. Phân công nhiệm vụ:

a) Các phòng chuyên môn Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình căn cứ chức năng, nhiệm vụ:

- Tham mưu Ban Giám đốc chỉ đạo, đôn đốc, điều phối việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh các chính sách về công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch này trên phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch, chương trình, đề án có liên quan do các sở, ngành, đơn vị chủ trì thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo Sở Y tế, Bộ Y tế, UBND tỉnh; sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định.

b) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai, xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện, đồng thời cụ thể hóa thành các nhiệm vụ hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ thuộc chức năng,

nhiệm vụ của mình; định kỳ hàng năm trước 10/12 báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Y tế (thông qua Chi cục DS-KHHGD) tổng hợp báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc báo cáo Sở Y tế (thông qua Chi cục DS-KHHGD) để kịp thời xem xét, giải quyết nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch của Sở Y tế thực hiện Kế hoạch số 10205/KH-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về Kế hoạch hành động giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Đồng Nai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế; / (Báo cáo)
- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Các phòng chuyên môn;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ